TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 8 – 2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ
2. Ông Lê Tuấn Kiệt

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Như, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Bảo T, sinh ngày 28/12/1998. Địa chỉ: Số A, Khóm H, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Khóm G, phường B, tỉnh Cà Mau). (vắng mặt do có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Trương Tấn T1, sinh ngày 24/02/1991. Địa chỉ: Số E, Đường H, Khóm A, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Bảo T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trương Tấn T1 tự nguyện chung sống vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2023, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/3/2023. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 8/2024 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn chủ yếu về tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Vợ chồng cũng đã được gia đình hai bên

hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vợ chồng không còn tình cảm, tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Bà và ông T1 có 01 con chung tên là Trương Thanh V, sinh ngày 24/6/2024, hiện nay cháu V đang sống với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T1 không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông T1: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T1 không có văn bản trình bày ý kiến. Tại Biên bản xác minh ngày 19/6/2025, chính quyền địa phương xác định ông T1 vẫn còn sinh sống tại Khóm A, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau).

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T1, cho bà T và ông T1 ly hôn; về con chung: Giao cháu Trương Thanh V, sinh ngày 24/6/2024 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông T1 không cấp dưỡng nuôi con do bà T1 không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về việc vắng mặt đương sự:* Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau đã triệu tập ông Trương Tấn T1 hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T1 vẫn vắng mặt không rõ lý do, còn bà T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông T1.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn bà T khởi kiện ly hôn với bị đơn ông Trương Tấn T1 nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông T1 hiện đang cư trú tại Khóm A, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là

Khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau) nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 tự nguyện chung sống vào năm 2023; có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/3/2023 nên hôn nhân của bà T và ông T1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà T xác định, bà và ông T1 xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, không hạnh phúc và đã sống ly thân từ khoảng ngày 08/2024 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng: *"Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần mời các đương sự để hòa giải nhằm để tạo điều kiện cho các bên đương sự hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T1 đều vắng mặt không có lý do và ông T1 cũng không có bất cứ động thái nào để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hôn nhân phải dựa trên cơ sở tự nguyện của cả vợ và chồng nhưng bà T và ông T1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, sống ly thân. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông T1 và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông T1.

[4] Về con chung: Bà T xác định bà và ông T1 có 01 con chung cháu Trương Thanh V, sinh ngày 24/6/2024. Khi ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu V chỉ hơn 01 tuổi và hiện đang sống ổn định với bà T, ông T1 cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở giao cháu V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình.

[6] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Bảo T. Cho bà Trần Bảo T được ly hôn với ông Trương Tấn T1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Thanh V, sinh ngày 24/6/2024 cho bà Trần Bảo T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hiện cháu V đang sống cùng với bà T. Ông Trương Tấn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu.

Ông Trương Tấn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Bảo T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình. Bà Trần Bảo T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000408 ngày 05/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu nên chuyển thu án phí.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Kiều Thảo